

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Sinh

2. Ông Lương Văn Thăm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn ST, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Xuân T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn ST, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, được bổ sung trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M là ông Đặng Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Đào Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/7/2012 tại UBND xã NT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 11/7/2012. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng luôn hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Do đó, từ tháng 02/2018, chị đi làm thuê, còn anh T sống lao động tại địa phương. Chị và anh T ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Đào Xuân M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Đào Kim Th, sinh ngày 03/02/2015. Kể từ khi chị và anh T ly thân các con ở với anh T và bà nội của các cháu, chị có về thăm các con một vài lần, thời gian gần đây do công việc nên không trực tiếp về thăm con mà chị và các con chỉ trò chuyện qua điện thoại. Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn, chị tự nguyện giao cả 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, cả 02 con là 2.000.000đ/tháng, kể từ khi Tòa án quyết định cho ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Bùi Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 04/6/2020, được bổ sung trong biên bản hòa giải, bị đơn là anh Đào Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận, anh và chị Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị M và Trợ giúp viên pháp lý trình bày là đúng. Nhưng anh nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con: Anh công nhận, anh và chị M có 02 con chung như chị M và Trợ giúp viên pháp lý trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý với ý kiến của chị M, anh trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn chị M cho con bao nhiêu thì tùy chị M, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản: Anh Đào Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Đào Xuân T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự

và việc giải quyết vụ ỏn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ỏN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ ỏn, được thẩm tra tại phiên toỏ; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ ỏn của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của đương sự; việc giải quyết vụ ỏn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ ỏn là quan hệ “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn cư trú tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ ỏn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa ỏn nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Tòa ỏn đã triệu tập hợp lệ anh T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa ỏn tiến hành xét xử vụ ỏn vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị M, anh T và Trích lục kết hôn số 13/TLKH-BS ngày 13/5/2020 do UBND xã NT, huyện NL cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Đào Xuân T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị M và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã có thời gian dài ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ ỏn cũng như tại phiên tòa, chị M cương quyết ly hôn anh T. Xét nguyện vọng của anh T được đoàn tụ cùng chị M, thấy: Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh T không tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng, như nhờ họ hàng nội ngoại hai bên, anh em bạn bè và chính quyền địa phương hòa giải, dàn xếp, không tìm cách bàn bạc, thuyết phục chị M để cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh T tham gia hòa giải tại Tòa ỏn và có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng chị M không chấp nhận; anh T không đến phiên tòa để trình bày nguyện vọng, thiện chí được đoàn tụ với chị M. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M, quyết định cho chị M và anh T ly hôn.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị M, anh T và Trích lục khai sinh của cháu M và cháu Th đủ cơ sở xác định: Cháu Đào Xuân M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Đào Kim Th, sinh ngày 03/02/2015 là con chung của chị M và anh T. Tại thời điểm xét xử vụ ỏn, cháu M và cháu Th ở cùng anh T. Chị M và anh T thống nhất giao các cháu M và Th cho anh T trực tiếp chăm nuôi dưỡng nên chấp nhận. Mặc dù anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con,

nhưng hiện nay anh T chưa có việc làm và thu nhập ổn định. Mặt khác, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con để bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng chị M đề nghị đối với mỗi cháu, cùng với thu nhập của anh T đủ điều kiện bảo đảm nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng ở mức trung bình tại địa phương, nên chấp nhận.

[6] Về tài sản: Chị M, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng chị M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị M.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Đào Xuân T ly hôn.

Về con: Giao cháu Đào Xuân M, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Đào Kim Th, sinh ngày 03/02/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M cấp dưỡng cho cháu M và cháu Th mỗi cháu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng, cả hai cháu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu M, cháu Th đủ 18 tuổi. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã NT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám